|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**BÀI 5: NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ**

**Tiết 53-54-55**

**CÔ TÔ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Chủ đề của bài học: Vẻ đẹp quê hương, đất nước.

- Tri thức Ngữ văn: Đặc điểm của thể kí, du kí.

- Vẻ đẹp của quê hương đất nước được thể hiện qua văn bản “ Cô Tô”.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô.*

+ Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”;

+ Nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc.

+ Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp đặc biệt của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương.

+ Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,...

**3. Về phẩm chất:** Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở; Có ý thức giữ gìn và bảo vệ thiên nhiên

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình; xác định chủ đề bài học.

**b. Nội dung:** GV sủ dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho học sinh nghe bài hát *“Việt Nam quê hương tôi”*

*+ Giai điệu bài hát khơi dậy trong em cảm xúc gì? Em thấy đất nước mình hiện lên như thế nào qua bài hát?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu bài học và tri thức Ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Chủ đề của bài học: Vẻ đẹp quê hương, đất nước.

- Tri thức Ngữ văn: Đặc điểm của thể Kí ( du kí).

**b. Nội dung:** GV sử PP dạy học khám phá để hướng dẫn HS tìm hiểu chủ đề của bài học và tri thức Ngữ văn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv yêu cầu học sinh đọc câu thơ đề từ và đoạn giới thiệu bài học và hỏi:  *+ Chủ đề của bài học là gì? Em có cảm xúc gì gì đọc câu thơ đề từ?*  *+ Chủ đề này được thể hiện chủ yếu qua thể loại nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc SGK tìm câu trả lời.  - GV quan sát, định hướng.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **\* Giới thiệu bài học**  - Chủ đề: Vẻ đẹp quê hương, đất nước.  - Thể loại: Kí |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS khai thác SGK, trả lời câu hỏi:  *+ Trình bày hiểu biết về thể kí và du kí?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện cá nhân, khai thác SGK.  - GV hướng dẫn khai thác sách.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời câu hỏi.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận ( màn hình). | **\* Tri thức Ngữ văn:**  **1. Kí**  - Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thật;  - Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;  - Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc.  **2. Du kí**  - Du kí là thể loại ghi chép vể những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình. |

**Hoạt động 2: Đọc- hiểu văn bản “ Cô Tô”**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô.*

- Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”;

- Nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc.

- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp đặc biệt của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,...

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Sản phẩm thảo luận và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc SGK/113, khai thác thông tin chung về tác giả.  *+ Nêu những nét chính về tác giả Nguyễn Tuân ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS khai thác SGK.  - GV hướng dẫn HS tìm ý chính.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, kết luận, chuyển giao nhiệm vụ khác.  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV HDHS:  *+ Cách đọc, chiến lược đọc văn bản, chú ý các hộp chỉ dẫn; giải nghĩa một số từ ngữ khó.*  *+ Nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, tiến hành thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó gọi HS đọc, giải nghĩa từ khó.  - HS khác theo dõi, hình dung theo hộp chỉ dẫn, tìm hiểu các chú thích, khai thác SGK để nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của văn bản.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc cho HS, chốt nội dung trên màn hình. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Họ tên: Nguyễn Tuân  - Năm sinh – năm mất: 1910 – 1987  - Quê quán: Hà Nội  - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc. Thể loại sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tùy bút),…  **2. Tác phẩm**  - *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976. |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu vẻ đẹp trên đảo Cô Tô**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu thực hiện:  *+ Nhóm 1: Cảnh bão biển trên đảo Cô Tô*  *+ Nhóm 2: Cảnh Cô Tô sau cơn bão*  *+ Nhóm 3: Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô*  *+ Nhóm 4: Cảnh giếng nước ngọt và hoạt động của con người trên đảo Cô Tô*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS khai thác SGK, thảo luận nhóm, ghi lại kết quả ra bảng phụ.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GVtổ chức cho HS hoạt động.  - Đại diện 1 nhóm trình bày kết quả thảo luận-> các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Cảnh bão biển trên đảo Cô Tô**  **\* Từ ngữ**  - Động từ mạnh: liên thanh quạt lia lịa, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, vây, dồn, bung hết, ép, vỡ tung  - Tính từ: buốt, rát, trắng mù mù,  - Các từ, cụm từ Hán Việt: thủy tộc, quỷ khốc thần linh;  - Các từ liên quan chiến trận: trận địa, hỏa lực, viên đạn, băng đạn, liên thanh, thả hơi ngạt,  🡺 Sử dụng các từ ngữ gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận 🡪 diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão  **\* Thời gian**  - Buổi tối, đêm khuya  🡪 Tô đậm thêm sự nguy hiểm, khó lường của cơn bão  **\* Nghệ thuật**  - So sánh   * + Mỗi viên cát như viên đạn mũi kim * + Chốc chốc gió ngừng trong tích tắc như để thay băng đạn; * + Trời đất trắng mù mù như kẻ thù bắt đầu thả hơi ngạt. * + Sóng thúc lẫn nhau rền rền như vua thủy; * + Gió rú rít như quỷ khốc thần linh * 🡪 so sánh làm nổi bật sự kì quái, rùng rợn của những trận gió.   🡺 Cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.  **2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão**  **\* Hình ảnh**   * - Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng * - Cây - xanh mượt * - Nước biển - lam biếc đậm đà * - Cát - vàng giòn   - Cá - càng thêm nặng mẻ cá giã đôi  **\* Nghệ thuật**  - Dùng 1 loạt các tính từ, từ láy  - Phép ẩn dụ  - Sử dụng các từ ngữ chỉ mức độ ngày càng tăng: ***thêm, hơn, càng, lại***)  🡪Khác với cách miêu tả trận bão biển, biển sau bão không còn được miêu tả bằng những từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính mà được miêu tả bằng các từ ngữ, hình ảnh giàu màu sắc, gợi sự tươi sáng, khoáng đạt, yên ả, tinh khôi và giàu tiềm năng của Cô Tô. Đồng thời cho thấy cảnh trước cơn bão đã đẹp nhưng sau cơn bão, cảnh càng đẹp hơn  **\* Cảm xúc của tác giả:** càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây  🡪 Tác giả yêu mến, gần gũi và coi Cô Tô như quê hương của mình.  🡺 Bức tranh thiên nhiên trên đảo Cô Tô sau trận bão hiện lên tươi sáng, phong phú, độc đáo.  **3. Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô**  **\* Cách đón mặt trời**  - Dậy từ canh tư, ra tận đầu mũi đảo ngồi rình mặt trời lên.  -> Cách đón nhận công phu và trang trọng  **\* Cảnh mặt trời mọc**  - *Trước khi mặt trời mọc:*  + Chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính  - *Trong khi mặt trời mọc:*  + Nhú dần  + Tròn trĩnh phúc hậu...  + Quả trứng hồng hào thăm thẳm...  + Y như một mâm lễ phẩm...  *- Sau khi mặt trời mọc:*  + Một vài chiếc nhạn...  + Một con hải âu...  **\* Nghệ thuật**  - Hình ảnh so sánh độc đáo mới lạ  🡪 Khung cảnh rộng lớn, bao la, trong trẻo, tinh khôi.  🡺 Bức tranh đẹp rực rỡ, tráng lệ  **4. Cảnh giếng nước ngọt và hoạt động của con người trên đảo Cô Tô**  **\* Cảnh giếng nước ngọt và hoạt động của con người**  - Vị trí: giữa đảo  - Lòng giếng vẫn còn rớt lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi quăng vào  - Cái giếng rất đông người: tắm, múc, gánh nước, bao nhiêu là thùng gỗ cong, ang, gốm.  - Các thuyền mở nắp sạp chờ đổ nước ngọt để chuẩn bị ra khơi đánh cá.  🡪 Cảnh sinh hoạt nơi đây diễn ra tấp nập đông vui, thanh bình, thiếu đi giếng nước, cuộc sống trên đảo Cô Tô sẽ thiếu đi sức sống  **\* Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con:** hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:   * + Biển cả – người mẹ hiền * + Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con * + Người dân trên đảo – lũ con lành của biển   🡺 Hình ảnh kết thúc cho ta thấy tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo. Tạo cho người đọc ấn tượng khó quên về tiềm năng, khung cảnh của biển đảo Cô Tô. |
| **2.2. Tìm hiểu vị trí quan sát và thời điểm quan sát.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu câu hỏi:  *+ Theo em, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, Nguyễn Tuân đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm và vị trí nào?*  *+ Qua cách quan sát, miêu tả của Nguyễn Tuân, em rút ra cho mình được bài học gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm cá nhân, dự kiến câu trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chiếu KL. | **5. Vị trí quan sát và thời điểm quan sát**  **\* Vị trí quan sát**  - Nóc đồn Cô Tô: là nơi đóng quân của bộ đội, thường được xây dựng ở vị trí cao, dễ quan sát để thuận lợi cho nhiệm vụ bảo vệ TQ.  🡪 Điểm nhìn cao vời vợi, không gian bao la, giúp tác giả có cái nhìn bao quát toàn cảnh Cô Tô.  -Trên những hòn đá đầu sư, bên bờ biển, sát mép nước  🡪 Phù hợp cho việc quan sát cảnh mặt trời lên  - Giếng nước  🡪 Quan sát được nhịp sống  🡺 Cảnh và người Cô Tô được miêu tả ở nhiều góc nhìn khác nhau, từ xa đến gần, từ cao đến thấp, từ thiên nhiên đến con người. Cô Tô vừa toát lên vẻ đẹp bao la, kì vĩ, vừa vừa toát lên vẻ đẹp đời thường sôi động mà bình dị.  **\* Thời điểm quan sát:**  - Bão lúc chiều, lúc đêm; trước bão, trong bão, sau bão; ngày thứ tư, ngày thứ năm, ngày thứ sáu; lúc mặt trời chưa mọc, mặt trời mọc, mặt trời lên bằng con sào…  🡪 Cách kể theo trình tự thời gian  **\* Bài học:** Khi miêu tả, điểm nhìn, điểm quan sát rất quan trọng, phải lựa chọn phù hợp để thể hiện tối đa ý tưởng; cần dựa vào trình tự thời gian để kể... |
| **\* Nhiệm vụ 3:** HDHS tổng kết bài học  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  *<?> Khái quát nghệ thuật và nội dung bài?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm bàn, rút ra kết luận.  - GV gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm khái quát nội dung, ý nghĩa.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Khắc họa hình ảnh tinh tế, chính xác, độc đáo  - Sử dụng các so sánh mới lạ và từ ngữ giàu tính sáng tạo.  **2. Nội dung- ý nghĩa**  - Vẻ đẹp độc đáo của cuộc sống thiên nhiên và con người nơi đảo Cô Tô.  - Tình cảm yêu quý của tác giả đối với mảnh đất quê hương. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm:

[**Câu 1.** Đoạn trích Cô Tô được viết theo phương thức biểu đạt nào ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/doan-trich-co-to-duoc-viet-theo-phuong-thuc-bieu-dat-nao-c-mieu-ta-trac-nghiem-65963)

A. Biểu cảm

B. Tự sự

**C. Miêu tả**

D. Nghị luận

[**Câu 2.** Cô Tô là quần đảo thuộc địa phương nào ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/co-to-la-quan-dao-thuoc-dia-phuong-nao-d-quang-ninh-trac-nghiem-mon-ngu-van-65964)

A. Vũng Tàu

B. Nghệ An

C. Hải Phòng

**D. Quảng Ninh**

[**Câu 3.** Văn bản Cô Tô được viết theo thể nào ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/van-ban-co-to-duoc-viet-theo-the-nao-a-the-ki-trac-nghiem-mon-ngu-van-lop-6-65965)

**A. Du kí**

B. Tùy bút

C. Hịch

D. Truyện ngắn

[**Câu 4.**Trong đoạn đầu của văn bản Cô Tô, điểm quan sát của tác giả ở đâu ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/trong-doan-dau-cua-van-ban-co-to-diem-quan-sat-cua-tac-gia-o-dau-a-noc-don-co-65966)

**A. Nóc đồn Cô Tô**

B. Trên dốc cao

C. Bên giếng nước ngọt ở ria một hòn đảo

D. Đầu mũi đảo

[**Câu 5.**  Tính từ chỉ màu sắc nào không được sử dụng trong đoạn đầu bài kí Cô Tô ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/tinh-tu-chi-mau-sac-nao-khong-duoc-su-dung-trong-doan-dau-bai-ki-co-to-a-hong-65967)

A.Xanh mượt

**B.** **Hồng tươi**

C. Lam biếc

D. Vàng giòn

[**Câu 6.**Theo miêu tả của tác giả, cảnh mặt trời mọc được ví với](https://doctailieu.com/trac-nghiem/theo-mieu-ta-cua-tac-gia-canh-mat-troi-moc-duoc-vi-voi-a-tron-trinh-phuc-hau-65968):

**A. Tròn trĩnh, phúc hậu như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn**

B. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự vạn thọ

C. Mặt trời tròn như cái đĩa bạc từ từ tiến ra

D. Mặt trời lên một vài con sào

[**Câu 7.** Cảnh sinh hoạt của con người Cô Tô được miêu tả thế nào ?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/canh-sinh-hoat-cua-con-nguoi-co-to-duoc-mieu-ta-the-nao-c-khan-truong-thanh-65969)

A. Êm ả, bình lặng

B. Hối hả, vội vã

**C. Khẩn trương, thanh bình**

D. Hân hoan, vui vẻ

[**Câu 8.** Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng, tươi đẹp qua ngôn ngữ điêu luyện, sự miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh cảm xúc. Đúng hay sai?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/canh-thien-nhien-va-sinh-hoat-cua-con-nguoi-tren-vung-dao-co-to-hien-len-that-65970)

A. Sai **B. Đúng**

[**Câu 9.**Vẻ đẹp của Cô Tô được miêu tả sau khi trận bão đi qua mang vẻ đẹp trong trẻo, sáng sủa, đúng hay sai?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/ve-dep-cua-co-to-duoc-mieu-ta-sau-khi-tran-bao-di-qua-mang-ve-dep-trong-treo-65971)

**A. Đúng** B. Sai

[**Câu 10**. Bức tranh Cô Tô hiện lên sinh động bởi](https://doctailieu.com/trac-nghiem/buc-tranh-co-to-qua-ngoi-but-cua-nguyen-tuan-la-buc-tranh-nhu-the-nao-b-ruc-ro-65972):

A. Ngôn ngữ tinh tế, gợi cảm

B. Các so sánh táo bạo, bất ngờ, giàu trí tưởng tượng

C. Lời văn giàu cảm xúc

**D. Cả A,B,C đều đúng**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động.

- HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: *Trong Cô Tô, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cách miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết).*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS viết đoạn văn.

- GV gợi ý:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

*Mặt trời lúc bình minh là hình ảnh không còn xa lạ trong văn chương nhưng độc đáo hơn cả vẫn là hình ảnh mặt trời mọc ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn trong bài Cô Tô của Nguyễn Tuân. Vào sáng sớm, vạn vật còn chìm trong lớp sương mỏng tựa làn khói thì phía đằng đông mặt trời nhú dần lên với những tia sáng đầu tiên. Khi đất trời ngập tràn ánh sáng cũng là lúc mặt trời hiện lên tròn trĩnh như lòng của trứng thiên nhiên đầy đặn. Cách lo sánh đậm chất tài hoa của tác giả đã làm cho hình ảnh mặt trời hiện lên vừa ngộ nghĩnh, đáng yêu những cũng vừa uy nghi, tráng lệ, đẹp đẽ. Chỉ một hình ảnh nhỏ thôi nhưng cũng đủ để bừng lên vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời.*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 56**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;

+ Biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV KT dạy học tia chớp, tổ chức cho HS tham gia trò chơi “ Đố vui”, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- Gv tổ chức trò chơi *Ngôi sao may mắn*: Có 5 ngôi sao trên màn hình. Để có được ngôi sao phải trả lời đúng các câu hỏi.

*Câu 1: Từ “Người cha” trong câu thơ “Người cha mái tóc bạc /Đốt lửa cho anh nằm” chỉ ai?*

*Câu 2: Trong câu ca dao “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, theo em “bùn” chỉ điều gì?*

*Câu 3: Trong câu ca dao “Thuyền ơi có nhớ bến chăng/ Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”, “thuyền” chỉ ai?*

*Câu 4: Đọc một câu tục ngữ khuyên răn chúng ta phải biết ơn những người đã giúp đỡ mình?*

*Câu 5: Em hiểu như thế nào về câu thơ: “ Lưng mẹ cứ còng dần xuống/ Cho con ngày một thêm cao”?*

*+ Những câu thơ, ca dao, tục ngữ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? (kết nối các từ khóa để dẫn dắt vào bài)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, sẵn sàng tham gia trò chơi.

- GV gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS tham gia trò chơi.

- HS khác, lắng nghe, tiếp tục khi bạn trả lời sai.

- GV chốt đáp án cho từng câu hỏi ( HS có thể diễn đạt khác những hợp lí về mặt ý nghĩa):

1. Bác Hồ

2. Xấu xa, thấp kém…

3. Người con trai

4. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây; Uống nước nhớ nguồn…

5. Mẹ vất vả hi sinh để nuôi con khôn lớn, trưởng thành

=> Ẩn dụ

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ

**b. Nội dung:** GV sử dụng kĩ thuật tia chớp, gợi cho HS nhớ khái niệm của 2 biện pháp tu từ so sánh và ẩn dụ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv giao nhiệm vụ:  *+ Nhắc lại khái niệm về ẩn dụ và so sánh, lấy ví dụ để minh họa*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, kết luận. | **I. Lí thuyết**  **1. Ẩn dụ**  Là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng nhằm tăng gức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. So sánh**  So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh.

**b. Nội dung:**

- Gv tổ chức cho hs thảo luận nhóm bằng kĩ thuật các mảnh ghép, hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, thảo luận nhóm, tiến hành làm các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV sử dụng kĩ thuật các mảnh ghép, giao nhiệm vụ cho HS.  ***Vòng 1: Vòng chuyên gia (10 phút)***  Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm  Nhóm 1: Bài 1  Nhóm 2: Bài 2  Nhóm 3: Bài 3  (Tìm 3 câu văn có biện pháp tu từ so sánh trong đoạn “Hình như gió bão…theo mùa sóng ở đây”  Nhóm 4: Bài 3 (Tìm 3 câu văn có sử hình biện pháp tu từ so sánh trong đoạn còn lại.  ***Vòng 2: Vòng mảnh ghép (15 phút)***  - Hình thành 4 nhóm mới.  - Các “chuyên gia” sẽ lần lượt trao đổi câu trả lời và thông tin ở vòng 1 cho các thành viên trong nhóm mới.  - Làm việc cá nhân bài tập số 5  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận ;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 SGK trang 113 – 114**  a.   |  |  | | --- | --- | | quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ | mặt trời | | mâm bạc | bầu trời sáng và lấp lánh | | mâm bể | mặt biển | | cái chất bạc nén | độ sáng và sự lấp lánh |   b. Biện pháp tu từ được sử dụng: ẩn dụ  🡪 Tác dụng: làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, cụ thể ở đây là tăng vẻ đẹp cho hình ảnh thiên nhiên ở Cô Tô.  **Bài tập 2 SGK trang 114**  a. *Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.*  - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh mỗi một hạt cát như một viên đạn mũi kim, so sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào 🡪 So sánh hợp lý vì hạt cát nhỏ, viên đạn mũi kim cũng nhỏ, khi bắn chỉ tập trung làm đau buốt một điểm.  - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. Cụ thể là làm rõ và cụ thể hóa cảm giác bị cát bắn vào mặt. Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô.  b. *Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.*  - Biện pháp tu từ: Nhân hóa. Gió bão vốn là các hiện tượng tự nhiên, vô tri vô giác, đã được gán với các đặc điểm như con người: biết ***chờ*** cho « chúng tôi » vào hết trận địa cánh cung bãi cát, biết ***tăng thêm hỏa lực***.  - Tác dụng: làm cho gió bão trở nên sinh động, câu chuyện được kể trở nên hấp dẫn.  **Bài tập 3 SGK trang 114**  Trong *Cô Tô*, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động.  Ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn 1  *+ Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim*  🡪 Sự nguy hiểm của bão biển  *+ Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.*  🡪 tăng thêm sự dữ dội của những đợt sóng.  *+ Nó rít lên rú lên như cái kiểu người ta vẫn thường gọi là quỷ khốc thần linh*  🡪 sự kỳ quái, ghê rợn, đáng sợ  Ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong đoạn 2  *+ Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi*  🡪 Cách so sánh cho người đọc hình dung một không gian trong veo (tấm kính), rất sạch (lau hết mây, hết bụi), gợi một cảm giác nhẹ nhõm và tinh khiết, trong lành, tầm mắt như được mở rộng ra khi nhìn "chân trời", "ngấn bể".  *+ Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.*  🡪 Thấy được sự ngộ nghĩnh, độc đáo đồng thời cũng rất trang trọng, linh thiêng  *+ Cái giếng ngọt ở ria một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền*  🡪 Cuộc sống nhộn nhịp, sôi động |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho cá nhân HS thực hiện bài tập 4.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV chuyển giao nhiệm vụ:

*+ Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu miêu tả cảnh thiên nhiên mà em ấn tượng trong đó có sử dụng biện pháp so sánh.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV HS trình bày kết quả.

Hs viết đoạn văn đúng hình thức và chủ đề, trong đó có biện pháp ẩn dụ hoặc so sánh

*Tham khảo:*

Đối với em, biển là một cảnh đẹp thiên nhiên tuyệt vời nhất đặc biệt là khoảnh khắc bình minh trên biển. Vào lúc sáng sớm, khi mà màn đêm đen vẫn còn vấn vương trên tán lá dừa thì mặt trời đột ngột xuất hiện, nhô lên từ lòng biển. Nó tỏa ra thứ ánh sáng đỏ rực, sáng chói, xua tan đi bóng tối. Dưới thứ ánh sáng kì diệu ấy, cả mặt biển như một tấm gương, lóng lánh màu đỏ rực. Cùng với đó, là thứ âm thanh nhịp nhàng, đều đặn, rì rào của sóng biển giống như bản nhạc của mẹ thiên nhiên đang cố đánh thức mọi người vào buổi sáng sớm. Đằng xa, những hàng dừa cao vút cũng vùng vẫy những cánh tay dài để đón chào bình minh tới. Cứ như thế, một ngày mới lại bắt đầu trên bãi biển bình yên, thơ mộng.

- HS lắng nghe, cùng nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV khích lệ, động viên, nhận xét, hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 57-58**

**HANG ÉN**

(Hà My)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*;

- Vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

- Tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*;

+ Nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;

+ Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

**3. Về phẩm chất:** Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, Vở thực hành, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, hướng HS vào bài học.

**c. Sản phẩm:** Hiểu biết của cá nhân HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu hình ảnh, yêu cầu HS đoán tên các địa danh tương ứng với hình ảnh.

+ Cố đô Huế

+ Vịnh Hạ Long

+ Hoàng Thành Thăng Long

+ Động Phong Nha- Kẻ Bàng

+ Thành Nhà Hồ

+ Quần thể danh thắng Tràng An

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Chùm ảnh: Thành nhà Hồ Thanh Hóa – tòa kinh thành xây bằng đá, di sản văn  hóa thế giới. |
|  | Tour Huế - Đồng Hới Quảng Bình 2 ngày 1 đêm - CHUYÊN NGHIỆP |  |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động hiểu biết, dự kiến câu trả lời.

- GV gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân đoán tên địa danh.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài, nhấn mạnh nhấn mạnh đến Động Phong Nha- Kẻ Bàng-> Hang Én

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**:

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*;

- Nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người;

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

**b. Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT dạy học hợp tác, hướng dẫn HS đọc- khám phá văn bản.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Nhiệm vụ 1:** HDHS đọc- tìm hiểu chung  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  *- GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi (các hộp chỉ dẫn)*  *+ Hướng dẫn hs giải nghĩa từ*  *Câu 1: Rừng nguyên sinh là*  ***A. Là rừng tự nhiên, chưa bị khai thác***  *B. Là rừng chủ yếu được sử dụng để sản xuất, kinh doanh gỗ*  *C. Là rừng trồng để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn*  *Câu 2: Tờ- réc- king nghĩa là gì?*  *A. Đi du lịch bụi*  ***B. Leo núi, đi bộ thám hiểm***  *C. Tên người khám phá ra hang Én*  *Câu 3: “Ra ràng” nghĩa là gì?*  *A. Từ đồng nghĩa với từ “ra đời”*  *B. Con chim non ra tín hiệu đòi ăn*  ***C. Mọc đủ lông, đủ cánh, có thể tập bay***  Câu 4: Hô-oát Lim bơ là?  A. Tên một hang trong vườn Quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng  **B. Tên chuyên gia Hiệp hội Hang động hoàng gia Anh- người phát hiện ra hơn 500 hang động ở Việt Nam**  C. Tên một hợp chất trong nhũ đá  Câu 5: Thương hải tang điền nghĩa là  A. Trồng dâu ven vờ biển  B. Chỉ những người nông dân trồng dâu  **C. Chỉ những biến đổi lớn lao**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát, đọc, trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, lắng nghe, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, điều chỉnh cách đọc bài cho HS. | **I. Đọc- tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  **2. Chú thích** |
| **\* Nhiệm vụ 2:** HDHS tìm hiểuchi tiết văn bản.  **2.1. Tìm hiểu vẻ đẹp của khu rừng nguyên sinh qua hành trình khám phá hang Én của người kể chuyện.**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, thảo luận cặp đôi, hoàn thành BT2/ 62( Vở thực hành)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cặp đôi hoàn thành BT.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức cho HS hoạt động.  - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận-> HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hành trình khám phá hang Én**  Cách thức di chuyển: Đường tới hang Én phải đi qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đọan dốc cao, ngoằn ngoèo, chỉ có một cách di chuyển: đi bộ  **a. Chặng từ dốc Ba Giàn đến thung lũng Rào Thương**  - Địa hình: dốc cao và gập ghềnh, đường nhỏ hẹp, trơn trượt, cây đổ chắn ngang đường, rậm rạp…  - Cây cối: cây cổ thụ tán cao vút, thân đầy các loại tầm gửi, phong lan nở hoa  - Loài vật: có sên, vắt, côn trung, chim chóc…  **b. Chặng từ thung lũng Rào Thương đến hang Én**  - Địa hình: thấp trũng như thung lũng, suối  - Cây cối: thảm cỏ, cây cối rậm rạp  - Loài vật: đàn cá bơi liêu xiêu như những chiếc lá khô; đàn bướm đủ màu đậu thành từng vạt như đám hoa  => Khu rừng nguyên sinh hiện lên hoang sơ, xa lạ, hiểm trở nhưng cũng không kém phần tươi đẹp, thơ mộng, gần gũi, cuốn hút. |
| **2.2. Tìm hiểu vẻ đẹp hang Én**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, thảo luận nhóm lớn:  *+ Nhóm 1: Giới thiệu chung về hang Én (hình dáng, kích thước…); nhận xét về nghệ thuật?*  *+ Nhóm 2: Thảo luận về đường vào hang Én.*  *+ Nhóm 3: Thảo luận về vẻ đẹp trong hang chính ( cảnh vật trong hang chính, cuộc sống của loài én có gì đặc biệt)*  *+ Nhóm 4: Thảo luận về vẻ đẹp của đá trong hang Én.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo đọc văn bản, thảo luận nhóm, ghi lại kết quả.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức cho HS hoạt động.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận-> nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | **2. Vẻ đẹp của hang Én**  **\* Hình dáng, kích thước**  - Hình dáng: Hang Én giống như cái tổ khổng lồ mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng với không gian trú ẩn, nước, không khí, ánh sáng…  - Kích thước: rộng nhất là 110m2, cao nhất là 120m, chiều dài khoảng hơn 1,6 km  - Nghệ thuật:  + So sánh  . Hang Én như cái tổ khổng lồ mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng  . Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường  🡪 Sự hoang sơ, kì vĩ, trang nghiêm của hang Én  + Sử dụng từ ngữ độc đáo  . Gọi thiên nhiên là “Mẹ”  . Mẹ Thiên Nhiên viết hoa  🡪 Thể hiện tình yêu, thái độ ngưỡng vọng, trân trọng, biết ơn sự bao dung, che trở, nuôi dưỡng của Mẹ Thiên Nhiên  **\* Đường vào hang Én**  - Hang có 3 cửa lớn  + Cửa trước:  . Có 2 lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một sảnh chờ rộng rãi; cửa trong thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm  . Muốn vào hang phải lội qua sông rồi trèo ngược vách đá hiểm trở, cao mấy chục mét  . Vịn đá lần xuống chân dốc, ngồi bè qua sông đến lòng hang chính  + Cửa thứ hai: Thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ  + Cửa sau  **\* Vẻ đẹp trong hang chính**  **- Cảnh vật**  + Bờ sông cát mịn thoải dần  + Nước mát lạnh, trong veo, đáy toàn sỏi, đá bào nhẵn  **- Đàn én**  + Hàng vạn con chim én hồn nhiên cư ngụ và chưa phải biết sợ con người  + Bốn vách hang dày đặc chim én, cộng đồng én sống thoải mái “cuộc đời” của chúng  + Én bố mẹ tấp nập đi về, mải mốt mớm mồi cho con  + Én con anh chị rập rờn bay đôi; én ra rang chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá  + Én thiếu nhi ngủ nướng, say giấc trên mỏm đá  + Có chú én tò mò bay xuống bàn ăn bị thương, khi quen mắt với ánh đền ung dung mổ cơm ăn; thản nhiên đi lại quanh lều  - Nghệ thuật:  + Nhân hóa, liệt kê: hồn nhiên, én bố mẹ, én anh chị, én thiếu nhi, ngủ nướng, ung dung…  + Sử dụng nhiều từ láy: tấp nập, mải mốt, rập rờn, chấp chới  🡪 Cuộc sống của loài én hiện lên sinh động, gần gũi, có sự giao hòa, hòa hợp với con người, chưa bị con người “khai thác”, xâm phạm  => Sự bình yên, thanh bình, hòa quyện, thân thiết giữa con người với thiên nhiên🡪tình yêu thiên nhiên của tác giả  **\* Vẻ đẹp của đá trong hang Én**  - Cảm giác như bước chầm chậm qua vài trăm triệu năm  - Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành tầng bậc lớn nhỏ như những thửa ruộng bậc thang tuyệt đẹp vào mùa nước đổ  - Thấy những “thương hải tang điền” trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô  - Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang  - Mỗi xen- ti- mét đá phải trải qua cả triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên và chúng vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên.  - Nghệ thuật : so sánh, liệt kê, lối nói cường điệu “bước chầm chậm qua vài trăm triệu năm”  => những khối đá từ vật vô tri vô giác trở thành những thực thể sống động, có hồn và luôn luôn biến đổi 🡪 Sự cảm nhận tinh tế của tác giả |
| **2.3. Tìm hiểu tâm trạng của du khách**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Cảnh vật trong hang Én khi bóng tối trùm xuống và buổi ban mai được thể hiện qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó góp phần thể hiện tâm trạng của du khách khi trải nghiệm trong hang Én ra sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm cá nhân kết hợp cặp đôi, dự kiến câu trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời câu hỏi. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | **3. Tâm trạng của du khách**  **\* Chi tiết:**  **- Buổi tối**  + Nhìn rõ đàn én chao liệng không dứt, đàn én cuối cùng bay về hang khi trời sẫm hẳn  + Ngồi bệt trên nền cát, trước mặt là khoảng sông lấp lánh...khoảng trời thăm thẳm đầy sao  + Tứ bề tiếng chim líu ríu, chíu chít, tiếng nước chảy âm âm, tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều;  **- Sáng sớm**   * + Năm giờ đã sáng bừng cả lòng hang, tưởng bật điện hóa ra là luồng nắng ban mai vàng rỡ rọi chéo từ trên cao xuống * + Trên mặt sông, nắng hòa với hơi nước mỏng ta, tan dần thành lãng đãng khói mơ * + Ai nấy đều nhoài người khỏi lều, chạy chân trần, vục nước suối rửa mặt * **\* Tâm trạng** * - Cảm thấy bình yên, ấm áp, hòa mình vào thiên nhiên, quan sát kĩ lưỡng đàn chim én * - Nhẹ nhõm, thư thái * - Ngạc nhiên, ngỡ ngàng * - Say đắm thiên nhiên * => Sự trân trọng, lòng biết ơn và tình yêu của con người với tự nhiên. |
| * **2.4. Tìm hiểu cách cảm nhận về cuộc sống hoang dã và ứng xử với thiên nhiên của tác giả**   **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Nhận xét về cách cảm nhận về cuộc sống hoang dã và ứng xử với thiên nhiên của tác giả?*  *+ Qua cách cảm nhận và ứng xử của tác giả,em rút ra được thông điệp gì? Em có nghĩ rằng một ngày nào đó mình sẽ có chuyến trải nghiệm đến với hang Én không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm cá nhân, dự kiến câu trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời câu hỏi. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét chiếu KL. | * **4. Cách cảm nhận về cuộc sống hoang dã và ứng xử với thiên nhiên của tác giả** * - Tác giả hòa mình với cuộc sống tự nhiên (bước đi cùng đàn bướm như đang đi trong giấc mộng đẹp, ở trong hang chung với chim Én, ngồi bệt trên cát, vục nước suối rửa mặt...) * - Không hề sợ hãi mà tỏ ra thích thú, hào hứng( cảm giác như cuộc “ngược dòng”, “thích nhất là lội suối”, đàn cá bơi liêu xiêu...) * - Cảm nhận được sự quấn quýt, sum vầy của tự nhiên (gia đình chim én) * + Nâng niu, trân trọng tự nhiên ( cho chú én bị thương ăn cơm...)   => Yêu thiên nhiên vì thiên nhiên vừa là người mẹ nuôi dưỡng, vừa dạy dỗ con người. |
| **\* Nhiệm vụ 3: Tổng kết bài học**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ:  *<?> Khái quát nghệ thuật và nội dung, ý nghĩa bài?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm bàn, rút ra kết luận.  - GV gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm khái quát nội dung, ý nghĩa.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, kết luận. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc tăng khả năng liên tưởng, tưởng tượng và khơi lên tình cảm trong lòng người đọc.  - Lối kể tuyến tính phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc.  **2. Nội dung, ý nghĩa**  - Vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.  - Sự trân trọng, lòng biết ơn và tình yêu của con người với tự nhiên. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV sử dụng câu hỏi trắc nghiệm, hướng dẫn HS củng cố bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Cách di chuyển tới hang Én là?

Đi bộ

Câu 2: Hang Én thuộc quần thể di sản thiên nào?

Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng

Câu 3: Hành trình khám phá hang Én khởi đầu từ địa điểm nào?

Dốc Ba Giàn

Câu 4: Rào Thương là tên của…?

Một thung lũng cũng là một con suối

Câu 5: Câu “Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất” nói về đối tượng nào?

Đàn bướm

Câu 6: Hang Én được ví như cái tổ khổng lồ và an toàn do ai ban tặng?

Mẹ Thiên Nhiên

Câu 7: Trần của hang Én được so sánh với cái gì?

Mái vòm của một thánh đường

Câu 8: Tộc người nào được nhắc đến trong văn bản “Hang Én”

A- rem (Chứt)

Câu 9: Trong văn bản “Hang Én”, có nhiều hình ảnh về gia đình chim én. Em hãy liệt kê ít nhất một hình ảnh đó?

Én bố mẹ tấp nập đi về, én anh chị rập rờn bay đôi…

Câu 10: Hình ảnh dải đá san hô được so sánh với hình ảnh nào?

Thửa ruộng bậc thang mùa nước đổ

Câu 11: Nhũ đá, măng đá, ngọc động phải trải qua những quá trình nào để được tạo ra?

Bào mòn và bồi đắp

Câu 12: Hình ảnh nào khiến tác giả lầm tưởng là người ta bật điện?

Luồng nắng ban mai

Câu 13: Biện pháp nghệ thuật nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản “Hang Én”

So sánh

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động kiến thức, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Gv tổ chức hoạt động.

- HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập( viết kết nối với đọc).

**b. Nội dung:**GV giao nhiệm vụ cho HS viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV giao nhiệm vụ: *Em hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu nêu cảm nhận của em về hang Én*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS viết đoạn văn.

- GV gợi ý:

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS đọc đoạn văn

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

(Tham khảo đoạn văn sau)

Sau khi đọc văn bản Hang Én, em đã hình dung được rõ hơn về vẻ đẹp của nơi đây. Hang Én nằm tại khu vực trung tâm của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Hành trình đến với Hang Én rất khó khăn, phải xuyên qua cánh rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao hay lội qua những con sông, suối. Nhưng vẻ đẹp của thiên sẽ khiến du khách quên đi những mệt mỏi. Con đường dẫn vào hang Én đi qua tán rừng, dọc theo dòng sông Rào Thượng uốn lượn với cảnh những chú bướm trắng bay khắp đường. Bên trong hang động, có hàng triệu con én sống như chưa hề biết sợ con người. Những dải đá san hô uốn lượn cùng với nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi cũng là một điểm ấn tượng của hang động này. Hành trình khám phá Hang Én sẽ đem đến cho chúng ta thật nhiều trải nghiệm ấn tượng.

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày dạy* | *Lớp 6B:………………………………* |
|  |  |

**Tiết 59**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang.

- Biện pháp so sánh, nhân hóa

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

+ Nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

**3. Về phẩm chất:** yêu quý, trân trọng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK,KHBD, máy tính.

**2. Học sinh:** SGK, đọc và chuẩn bị trước nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV KT dạy học tia chớp, tổ chức cho HS huy động hiểu biết cá nhân, hướng vào nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu câu chuyện về những dấu câu:

*<?> Trong câu chuyện, dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang có tác dụng gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc câu chuyện, suy nghĩ, dự kiến câu trả lời.

- GV gợi ý, hướng dẫn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Cá nhân HS chia sẻ hiểu biết.

- HS khác, lắng nghe, nhận xét câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

**b. Nội dung:** GV sử dụng SGK, hướng dẫn HS khai thác ngữ liệu, hình thành kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ và trả lời câu hỏi:  *+ Mẹ về khen bé: “Cô tiên xuống trần”(1)*  *+ “Thôi, chào đồng chí!”(2)*  *+ Chú Tiến Lê tặng “đồng nghiệp” hẳn một hộp màu ngoại xịn.(3)*  *+ Đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” trích trong văn bản nào?(4)*  *- Theo em, dấu ngoặc kép trong các ví dụ trên có chức năng gì?(\*)*  *- Dựa vào kiến thức đã học ở Tiểu học, em hãy nhắc lại công dụng của dấu phẩy và dấu gạch ngang?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi.  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Cá nhân HS trả lời nhanh.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức  *(\*)*  *(1)* Trích lời dẫn trực tiếp  (2) Trích lời dẫn trực tiếp  (3) Từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt  (4) Đánh dấu tên tác phẩm được dẫn | **I. Dấu câu**  **1. Dấu ngoặc kép**  **Dùng để:**  *-* Trích lời dẫn trực tiếp  - Trích lời dẫn trực tiếp  - Từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt  - Đánh dấu tên tác phẩm được dẫn  **2. Dấu phẩy**  - Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu;  - Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép;  - Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng;  - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu.  **3. Dấu gạch ngang**  - Đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê;  - Đặt đầu dòng trước lời đối thoại;  - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu;  - Đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau;  - Phiên âm tên nước ngoài;  - Dùng trong cách để ngày, tháng, năm. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

+ Nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

+ Nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

**b. Nội dung:**

- Gv tổ chức hướng dẫn HS thực hành luyện tập.

**-** HS sử dụng SGK, thảo luận nhóm, tiến hành làm các bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 6 nhóm, giao nhiệm vụ:  + Nhóm 1: Bài 1  + Nhóm 2: Bài 2  + Nhóm 3: Bài 3 (Văn bản Cô Tô)  + Nhóm 4: Bài 3 (Văn bản Hang Én)  + Nhóm 5: Bài 4  + Nhóm 6: Bài 5  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận ;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 SGK trang 118**  a. *Cảm giác về một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai đến với tôi ngay khi len lỏi qua cánh rừng nguyên sinh này.*  - Nghĩa của từ trong ngoặc kép: “ngược dòng” 🡪 bơi ngược, lội ngược, không thuận theo lẽ thông thường.  🡪 Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: “ngược dòng” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại.  b. *Hang có ba cửa lớn: cửa trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một “sảnh chờ” rộng rãi; cửa trong lại thấp hẹp, sát ngay dải sông ngầm khá rộng, sâu quá thắt lưng.*  Nghĩa của các từ trong ngoặc kép: “sảnh chờ”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo.  🡪 Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: so sánh không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ, báo hiệu ngoài hang đầu tiên bên ngoài, sẽ còn những hang phía bên trong 🡪 Cụ thể hóa, giúp người đọc dễ hình dung về không gian trong hang Én, gợi sự tò mò về các hang tiếp theo ở hang Én.  **Bài tập 2 SGK trang 118**  a. *Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”. Cũng nghe kể rằng, trong bản A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét.*  Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1): ngăn cách các vế trong câu, vế sau giải thích và làm sáng tỏ nghĩa cho vế trước;  + Dấu phẩy (2) (3): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể: bàn chân mỏng và ngón dẹt có cùng đặc điểm chung là những bộ phận dưới cùng, tiếp giáp với mặt đất của cơ thể con người.  - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt. Cụ thể ở đây là từ “ăn én”, không phải là ăn thịt chim én mà là tên một lễ hội của nười A-rem để lưu giữ ký ức họ đã từng sống trong hang động.  - Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt” 🡪 giải thích vì sao người A-rem lại có đặc điểm sinh học đặc biệt như vậy.  b. *Hô-oát Lim-bơ, người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam, trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới, khẳng định rằng: mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên. Và tất cả măng đá, nhũ đá, ngọc động ấy vẫn “sống” trong hành trình tạo tác của tự nhiên.*  Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1): ngăn cách thành phần giải thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ của câu), vế sau giải thích, bổ sung thêm ý nghĩa cho vế trước: ở đây bổ sung thêm thông tin cho biết Ho-oát Lim-bơ là người tìm ra hơn 500 hang động ở Việt Nam;  + Dấu phẩy (2): ngăn cách các vế câu, vế sau làm thành phần phụ chú cho vế trước và nhấn mạnh vào vế sau giúp sự diễn đạt trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận. Cụ thể ở đây vế *trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới* bổ sung thêm cho *trong đó có hang Sơn Đoòng lớn nhất thế giới*.  + Dấu phẩy (3): ngăn cách các vế, các thành phần của câu;  + Dấu phẩy (4): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước. Cụ thể ở đây là liệt kê nhũ đá, măng đá, ngọc động. Chúng là những sự vật có cùng tính chất.  - Dấu ngoặc kép:  + “Sống” theo nghĩa thông thường: tồn tại ở hình thái có trao đổi chất với môi trường ngoài, có sinh đẻ, lớn lên và chết (Từ điển tiếng Việt Hoàng Phê);  + “Sống” được để trong ngoặc kép trong ví dụ: nhấn mạnh và hiểu theo nghĩa cụ thể, đặc biệt: các măng đá, nhũ đá, ngọc động vẫn tiếp tục được bồi đắp, bào mòn trong hành trình tạo tác của tự nhiên. Đó là một sự hiển nhiên, sinh động cho thấy tất cả mọi vật đều ở trạng thái vận động.  - Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài. Cụ thể là từ từ “centimet”, chỉ đơn vị đo độ dài.  **Bài tập 3 SGK trang 118**  Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các VB *Cô Tô*, *Hang Én*:  - VB *Cô Tô*:  + Anh quẩy 15 gánh cho thuyền anh : “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp, chỉ để uống. Vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo gạo bằng nước biển thôi”  🡪 Tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. Ở đây, tác giả Nguyễn Tuân trích dẫn lại lời của nhân vật anh hùng Châu Hòa Mãn theo lối trực tiếp.  - Vb *Hang Én*:  + Bạn sẽ thấy những “thương hải tang điền” còn hiện hữu trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô,… nơi vách đá  “Thương hải tang điền”: bãi bể nương dâu. Dùng để chỉ những biến đổi lớn lao. Đây là điển cố được sử dụng nhiều trong văn học Trung Quốc và văn học Việt Nam cổ trung đại.  🡪 Tác dụng khi sử dụng: tăng khả năng gợi cảm cho sự diễn đạt, ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch.  **Bài tập 4 SGK trang 118**  a. Bữa tối, một chú én tò mò sa xuống bàn ăn, cánh bị thương không bay lên được.  - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”  b. Sáng hôm sau, tôi vẫn thấy nó thản nhiên đi lại quanh lều bên một bên cánh còn hơi sã xuống.  - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người : “thản nhiên”, “đi lại”.  🡪 Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.  **Bài tập 5 SGK trang 118**  a. *Nhiều bạn én thiếu niên ngủ nướng, say giấc ngay trên những mỏm đá thấp dọc lối đi.*  - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”.  🡪 Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.  b. *Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất.*  - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất.  🡪 Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp.  c. *Cửa thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón khí trời và ánh sáng.*  - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ.  - Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV chuyển giao nhiệm vụ:

*Hãy đặt dấu hai chấm, dấu ngoặc kép thích hợp vào truyện cười dưới đây và giải thích lí do. (Điều chỉnh chữ viết hoa, nếu cần thiết)*

*Một người đi đường thấy Nicky đi cùng một chú chó, bèn hỏi chó của cháu có cắn người không? Nicky đáp chó nhà cháu không cắn ai bao giờ cả. Người khách liền đưa tay vuốt ve con chó nhưng bị nó đớp ngay một miếng. Bực mình, ông khách nói sao cháu bảo chó nhà cháu không cắn ai? Vâng, thì đúng như vậy. Nhưng đây đâu phải là con chó của nhà cháu.*

*(Truyện cười thế giới)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

- Gv quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- Học sinh đặt đúng dấu hai chấm, dấu ngoặc kép và giải thích

*Một người đi đường thấy Nicky đi cùng một chú chó, bèn hỏi: “Chó của cháu có cắn người không”? Nicky đáp: “Chó nhà cháu không cắn ai bao giờ cả”. Người khách liền đưa tay vuốt ve con chó nhưng bị nó đớp ngay một miếng. Bực mình, ông khách nói: “Sao cháu bảo chó nhà cháu không cắn ai? - “Vâng, thì đúng như vậy. Nhưng đây đâu phải là con chó của nhà cháu”.*

- HS lắng nghe, cùng nhận xét.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV khích lệ, động viên, nhận xét, hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  | *……………………* |

**Tiết 60**

**ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Ôn tập, củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã được học trong chương trình Ngữ văn 6- học kì I.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực chuyên biệt: Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói, nghe.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ, tích cực, tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập

**2. Học sinh:** SGK, chuẩn bị trước nội dung bài học theo hướng dẫn của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Định hướng đến nội dung trọng tâm của bài học.

**b. Nội dung:**

- GV kĩ thuật tia chớp, hướng HS đến nội dung bài học.

- HS huy động kiến thức, trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi:

*+ Kể tên các văn bản, đoạn trích đã học trong 5 chủ đề ở học kì I*

*+ Kể tên các biện pháp tu từ được học ở học kì I.*

*+ Kể tên các kiểu văn bản đã học ở học kì I.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS huy động kiến thức, dự kiến câu trả lời.

- GV quan sát, định hướng.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS trả lời.

- GV, HS khác cùng theo dõi.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Ôn tập, củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức tiếng Việt đã được học trong chương trình Ngữ văn 6- học kì I.

**b. Nội dung:**

- GV:

+ Tổ chức cho HS làm bài tập dạng điền khuyết, hướng dẫn HS ôn tập củng cố kiến thức đã học về thể loại, về tiếng Việt.

+ Sắp xếp theo trình tự dàn ý của bài văn kể lại một trải nghiệm; đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự; đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ làm việc theo hình thức tiếp sức để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Cho các từ ngữ: *truyện, truyện đồng thoại, thơ, kí, du kí, từ đơn, từ ghép, từ láy, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, dấu ngoặc kép.* Hãy điền vào chỗ chấm sao cho được một khái niệm đúng.  + Sắp xếp theo trình tự dàn ý của bài văn kể lại một trải nghiệm; đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự; đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.  - HS tiếp nhận hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ thảo luận, dự kiến câu trả lời.  - GV quan sát, hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả theo hình thức tiếp sức.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của HS. | **1. Tri thức về thể loại**  - Truyện đồng thoại.  - Thơ  - Kí  **2. Tri thức Tiếng Việt**  - Từ và cấu tạo từ  - Nghĩa của từ  - Cụm từ  - Các biện pháp tu từ  - Dấu ngoặc kép  **3. Kiểu văn bản**  - Văn bản tự sự  - Văn bản biểu cảm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói, nghe.

**b. Nội dung:**

- GV giao bài tập, hướng dẫn HS huy động kiến thức, củng cố bài học.

- HS thảo luận cặp đôi, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu yêu cầu bài tập, yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ:

**Đọc bài ca dao sau và trả lời các câu hỏi:**

“Công cha như núi ngất trời  
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông  
Núi cao biển rộng mênh mông  
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”

**Câu 1:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài ca dao.

**Câu 2:** Nêu nội dung chính của bài ca dao .

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong bài ca dao.

**Câu 4 :** Hãy viết một đoạn văn ngắn bày tỏ cảm xúc của em về bài ca dao.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận, cùng thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo kết quả.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kết luận ( màn hình):

**Câu 1:** Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của bài ca dao.

- Thể thơ: Lục bát

- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

**Câu 2:** Nêu nội dung chính của bài ca dao .

- Sự hy sinh lớn lao, tình yêu bao la của cha mẹ dành cho con cái.

- Lời nhắc nhở con phải ghi nhớ, biết ơn, hiếu thảo và đền đáp công cha nghĩa mẹ

**Câu 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong bài ca dao.

- Biện pháp tu từ so sánh “công cha” với “núi ngất trời”; “nghĩa mẹ” với “nước ở ngoài biển Đông”.

- Phép so sánh đã cho thấy công lao to lớn của cha mẹ với con cái.

**Câu 4 :** Hãy viết một đoạn văn ngắn bày tỏ cảm xúc của em về bài ca dao.

Công cha như núi ngất trời,Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.Núi cao biển rộng mênh mông,Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!

Không biết từ bao giờ, bài ca dao trên luôn vang vọng trong tâm hồn mỗi con người, gợi nhắc ta về tình cảm gia đình thiêng liêng, tình yêu thương của cha mẹ với con cái ***.*** Với giọng điệu thủ thỉ, tâm tình của người mẹ với con trong lúc hát ru, mẹ gợi nhắc đến “Công cha”, “nghĩa mẹ”. Đó là cách bày tỏ tình yêu thương con tha thiết. Bằng những hình ảnh so sánh đặc sắc, tác giả dân gian lấy “ *Núi ngất trời*” để ví với “Công cha”, cũng đủ để khẳng định công lao của cha là lớn lao đến vô cùng, vô tận. Còn *“nghĩa mẹ*” được ví với “nước ở ngoài biển Đông” bao la, mênh mông không kể xiết. Hình ảnh so sánh cụ thể, lấy cái to lớn, mênh mông, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên để so sánh với công lao cha mẹ. Hai câu thơ đầu cũng là lời bày tỏ tình yêu thương bao la của cha mẹ với con cái. Tác giả dân gian **ca ngợi công lao to lớn, những hi sinh không thể đo đếm của cha mẹ với chúng ta.** Hai câu sau là lời nhắn gửi thiết tha với con. Để con ghi nhớ, bài ca dao dùng cách lặp lại hình ảnh như một khẳng định để con khắc cốt ghi tâm *“Núi cao, biển rộng mênh mông”.* Các tính từ tiên tiếp xuất hiện như mở ra trước mắt con một khung trời bao lao, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên. Hay nói đúng hơn là khắc sâu tình yêu, đức hi sinh, công lao của cha mẹ với con. Chín chữ cù lao kể sao cho xiết! Cụm từ “*ghi lòng con ơi!”* cuối bài ca dao tạo âm vang tha thiết. Lời nhắn gửi xúc động để con ghi lòng tức là luôn nhớ, không bao giờ ðýợc quên. Chỉ thế thôi, bài ca nhắc nhở bổn phận làm con phải biết õn, yêu kính, hiếu thảo với cha mẹ! Bằng những câu thõ lục bát nhẹ nhàng, giọng thõ tâm tình, sâu lắng, bài ca dao đã làm xúc động bao tâm hồn, là tiếng gọi nhớ về cha mẹ, quê hương cho ai xa quê, xa cha mẹ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Tiết 61-62**

**KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

*( Kiểm tra theo đề chung của trường)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Tiết 63**

**NÓI VÀ NGHE:**

**CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM**

**VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Cách trình bày một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Kể và miêu tả được một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia.

+ Dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời;

+ Biết lắng nghe và phản hổi tích cực.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ, tích cực,tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, KHBD, máy tính, phiếu học tập.

**2. Học sinh:** SGK, chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng phiếu khảo sát, hướng HS đến mục tiêu bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu phiếu khảo sát, yêu cầu HS quan sát.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Mức độ** | | **Cảm xúc** | | |
| Rồi | Chưa | Vui | Buồn | Ý kiến khác |
| 1. Em đã bao giờ theo người thân ra đồng chưa? |  |  |  |  |  |
| 2. Em đã bao giờ đi chợ cùng mẹ chưa? |  |  |  |  |  |
| 3. Em đã từng đến một bãi biển nào chưa? |  |  |  |  |  |
| 4. Em đã từng đi thăm một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nào chưa? |  |  |  |  |  |
| 5. Em đã bao giờ đến thành phố chơi chưa? |  |  |  |  |  |
| 6. Em có tham gia các hoạt động thiện nguyện không? |  |  |  |  |  |
| 7. Em đã bao giờ đi tảo mộ chưa? |  |  |  |  |  |
| 8. Em đã bao giờ tham gia lễ hội nào chưa? |  |  |  |  |  |

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, đọc phiếu khảo sát, dự kiến câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi HS trả lời câu hỏi theo gợi ý ở phiếu.

- 3- 5 HS chia sẻ.

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

* GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Kể và miêu tả được một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia.

- Dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời;

- Biết lắng nghe và phản hổi tích cực.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, nội dung đã được chuẩn bị để tiến hành theo các bước.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS; phiếu đánh giá theo tiêu chí đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1:** HDHS chuẩn bị trước khi nói  ( Nhiệm vụ này, GV giao cho HS chuẩn bị trước ở nhà; khi lên lớp, tiến hành nhanh).  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV:  + Nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  + Hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói.  + Hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, hướng dẫn HS chuẩn bị.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm chuẩn bị nội dung và luyện nói ở nhà.  - GV tổ chức cho HS chia sẻ những khó khăn, vướng mắc khi luyện nói ở trong nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc của các nhóm. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  - Tìm ý, lập ý cho bài nói;  - Chỉnh sửa bài nói;  - Tập luyện. |
| **\*NV2:** HDHS trình bày bài nói  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Nhắc học sinh một số lưu ý  + Gợi ý để HS đánh giá bài nói ( nội dung; cách diễn đạt...)  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và chuẩn bị nội dung nói ( các nhóm cử đại diện nói tốt nhất để trình bày trước lớp).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày bài nói.  - GV, HS lắng nghe, đánh giá.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi. | **2. Trình bày bài nói**  - Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói.  - Bám sát vào mục đích nói, trình bày một cách rõ ràng, nhấn mạnh những điểm quan trọng  - Nêu câu hỏi để lôi cuốn người nghe tham gia tương tác  - Bày tỏ suy nghĩ hào hứng, kể về những cảnh, những sự việc mà em đã chứng kiến hoặc trực tiếp tham gia  - Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói cho phù hợp  - Có thể sử dụng các ghi chú  - Khuyến khích sử dụng các phương tiện sẵn có (tranh ảnh…) |
| **\* NV3:** HDHS đánh giá bài nói  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS trao đổi về bài nói:  *+ Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Khi nghe bạn nói, em có cảm xúc như thế nào?*  *+ Em thấy ý kiến góp ý nào hợp lý nhất? Nếu có thể, em muốn thay đổi điều gì nhất trong phần trình bày của mình không?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nêu những câu hỏi về những điểm còn chưa rõ hay có sự khác biệt trong suy nghĩ giứa người nói và người nghe về tình cảm gắn bó của con người với quê hương.  - Gv quan sát, hướng dẫn.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động đánh giá chung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, kết luận các yêu cầu của bài nói; yêu cầu HS về nhà:  + Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (em có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…)  + Chuẩn bị cho tiết học sau. | **3. Sau khi nói** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Ngày dạy* | *Lớp 6B: …………………….* |

**Tiết 64**

**TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Thể thơ lục bát.

- Từ láy.

- Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.

- Các bước viết bài văn kể lại một trải nghiệm ngôi thứ nhất.

**2. Về năng lực**

- Năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo

- Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận biết được thể thơ lục bát, phương thức biểu cảm.

+ Nhận biết được từ láy, tác dụng của việc sử dụng từ láy.

+ Hiểu được nội dung, ý nghĩa của đoạn thơ lục bát.

+ Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.

+ Biết tự đánh giá những ưu- nhược điểm trong bài làm của mình, bài làm của bạn để rút kinh nghiệm trong bài kiểm tra sau.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ, tích cực,tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** KHBD, máy tính, bài viết của HS đã chấm

**2. Học sinh**: chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

**III- CÁC HOẠT ĐỘNG TRÊN LỚP:**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV sử dụng phương pháp đàm thoại, hướng HS đến mục tiêu bài học.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ cá nhân của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hỏi:  *Em đánh giá thế nào về bài kiểm tra học kì I của mình? (ưu, nhược điểm)*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị nội dung chia sẻ.

- GV quan sát, gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS chia sẻ cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

* GV nhận xét, dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được thể thơ lục bát, phương thức biểu cảm.

- Nhận biết được từ láy, tác dụng của việc sử dụng từ láy.

- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của đoạn thơ lục bát.

- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.

- Biết tự đánh giá những ưu- nhược điểm trong bài làm của mình, bài làm của bạn để rút kinh nghiệm trong bài kiểm tra sau.

**b. Nội dung:** GV sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, hướng dẫn HS xây dựng đáp án cho bài làm; đánh giá được năng lực đọc, viết của bản thân.

**c. Sản phẩm học tập:** nhận thức và câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*NV1:** HDHS tìm hiểu yêu cầu của đề và xây dựng đáp án  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu đề, yêu cầu HS:  *+ Thảo luận cặp đôi xây dựng đáp án cho phần Đọc- hiểu;*  *+ Cá nhân nhắc lại yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận cặp đôi, làm việc cá nhân hoàn thành nhiệm vụ.  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi:  + Đại diện cặp đôi trả lời lần lượt các câu hỏi ở phần Đọc- hiểu;  + Cá nhân nhắc lại yêu cầu của bài văn kể lại một trải nghiệm ở ngôi thứ nhất.  - HS thực hiện nhiệm vụ, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét sau mỗi câu trả lời và kết luận, lưu ý HS kết hợp yếu tố miêu tả trong văn tự sự. | **1. Yêu cầu của đề và xây dựng đáp án** |
| **I. ĐỌC- HIỂU ( 4,0 điểm)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** | | **1** | - Thể thơ: Lục bát  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm | 0,5  0,5 | | **2** | Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ khắc họa vẻ đẹp thiên nhiên đất nước Việt Nam. Qua đó, tác giả gửi gắm tình yêu và niềm tự hào của mình về quê hương, đất nước. | 1,0 | | **3** | - Từ láy: *mênh mông, rập rờn*  - Tác dụng: Từ láy *mênh mông, rập rờn* đã góp phần khắc họa cụ thể, sinh động vẻ đẹp của của thiên nhiên, đất nước, làm cho những cảnh vật hiện lên chân thực, gần gũi, thanh bình, giản dị, mộc mạc; đồng thời thể hiện tình yêu của tác giả đối với những vẻ đẹp bình dị, dân dã của quê hương. | 0,5  0,5 | | **4** | - HS ghi lại đúng được một bài ca dao có cùng chủ đề. | 1,0 | |  |  | **4,0** |   **II. LÀM VĂN ( 6,0 điểm)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ý** | **Kiến thức, kĩ năng cần đạt được** | **Điểm** | | a | *Đảm bảo cấu trúc bài văn:* có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. | 0,25 | | b | *Xác định đúng kiểu bài:* Kể lại một trải nghiệm với người thân ở ngôi thứ nhất. | 0,25 | | c | *Triển khai nội dung:* |  | | **- Mở bài:** Giới thiệu được trải nghiệm. | 0,5 | | **- Thân bài:** Kể lại diễn biến của câu chuyện.  + Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện và nhân vật có liên quan.  + Kể lại các sự việc trong câu chuyện theo trình tự hợp lí ( sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện). | 1,0  3,0 | | **- Kết bài:** Nêu cảm xúc của và rút ra ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với bản thân. | 0,5 | | d. | *Chính tả, ngữ pháp tiếng Việt:* Bài viết đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt | 0,25 | | e. | *Sáng tạo:* Kể chuyện sinh động, hấp dẫn, mới mẻ. | 0,25 | |  |  | **6,0** | |  | **Tổng toàn bài** | **10,0** | | |
| **\* NV2.** HDHS đánh giá bài làm  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nhận xét chung, sau đó yêu cầu HS:  *+ Cặp đôi trao đổi bài cho nhau, đối chiếu với đáp án, chỉ ra những ưu- nhược điểm trong bài làm của bạn.*  *+ Quan sát một số lỗi về chính tả, dùng từ, đặt câu và sửa lại cho đúng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận cặp đôi thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, gợi ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV chọn 1-2 bài khá, 1-2 yếu đọc trước lớp; GV tổ chức cho HS:  + Đánh giá chung trước lớp.  + Chữa một số lỗi phổ biến về chính tả, dùng từ, đặt câu.  - HS thực hiện nhiệm vụ, lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá và lưu ý HS các lỗi về chính tả, diễn đạt, cách trình bày bài.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho tiết học sau. | **2. Nhận xét**  **\* Ưu điểm**:  - Một số HS trả lời khá đầy đủ, đúng các câu hỏi.  - Trình bày bài theo bố cục 3 phần rõ ràng.  - Tập trung vào sự việc được kể, biết kết hợp yếu tố miêu tả trong văn tự sự.  - Rút ra được bài học, nêu được cảm xúc của bản thân trước sự việc được kể.  **\* Nhược điểm:**  - Một số bài viết còn sai chính tả, chữ xấu, trình bày cẩu thả.  - Một số diễn đạt chưa rõ ràng, trả lời chưa đủ ý.  - Nội dung kể còn sơ sài, chưa biết kết hợp với yếu tố miêu tả và biểu cảm.  **3. Trả bài- chữa lỗi** |